

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Mẫu số 03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC

(Dành cho ứng viên/thành viên các Hội đồng Giáo sư)



1. Thông tin chung

- Họ và tên: Vũ Ngọc Út
- Năm sinh: 07/9/1969
- Giới tính: Nam
- Trình độ đào tạo (TS, TSKH) (năm, nơi cấp bằng): Tiến sĩ, 2003
- Chức danh Giáo sư hoặc Phó giáo sư (năm, nơi bổ nhiệm):
Giáo sư, 2021, Trường Đại học Cần Thơ

- Ngành, chuyên ngành khoa học: Thủy sản
- Chức vụ và đơn vị công tác hiện tại (hoặc đã nghỉ hưu từ năm): Phó Trưởng Khoa, Khoa Thủy sản, Trường Đại học Cần Thơ
- Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng Bộ môn
- Thành viên Hội đồng Giáo sư cơ sở (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, cơ sở đào tạo):
Không
- Thành viên Hội đồng Giáo sư ngành (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, nhiệm kỳ):
Không
- Thành viên Hội đồng Giáo sư nhà nước (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, nhiệm kỳ):
Không

2. Thành tích hoạt động đào tạo và nghiên cứu (thuộc chuyên ngành đang hoạt động)

2.1. Sách chuyên khảo, giáo trình

- Tổng số sách đã chủ biên: 07 sách chuyên khảo; 02 giáo trình.
- Danh mục sách chuyên khảo, giáo trình trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (tên tác giả, tên sách, nhà xuất bản, năm xuất bản, mã số ISBN, chỉ số trích dẫn).

T T	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả	Đồng tác giả
1	Giáo trình Kỹ thuật nuôi thức ăn tự nhiên	NXB Đại học Cần Thơ	2017		X
2	Lục bình: tiềm năng sử dụng cho sản xuất khí sinh học	NXB Nông nghiệp	2018		X
3	Động vật phù du: Thành phần loài và tiềm năng đối với nuôi thủy sản ở đồng bằng sông Cửu Long	NXB Nông nghiệp	2019	X	
4	Synbiotic – Nghiên cứu và ứng dụng trong nuôi trồng thủy sản	NXB Đại học Cần Thơ	2021		X
5	Tầm quan trọng và ứng dụng probiotic trong nuôi trồng thủy sản ở đồng bằng sông Cửu Long.	NXB Nông nghiệp	2021		X
6	Quy trình kỹ thuật: Quan trắc sinh học và phát triển các dòng vi khuẩn có lợi cho quản lý chất lượng nước trong nuôi thủy sản	NXB Khoa học & Kỹ thuật	2021	X	
7	Môi trường và nguồn lợi thủy sinh vật ở đồng bằng sông Cửu Long	NXB Nông nghiệp	2022		X

2.2. Các bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học

a) Tổng số đã công bố: 97 bài báo tạp chí trong nước; 41 bài báo tạp chí quốc tế.

b) Danh mục bài báo khoa học công bố trong 05 năm liên kế với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên tác giả, tên công trình, tên tạp chí, năm công bố, chỉ số IF và chỉ số trích dẫn - nếu có*):

-Trong nước:

1. Nguyễn Thị Kim Liên, Âu Văn Hóa, Trần Trung Giang, **Vũ Ngọc Út**, Huỳnh Trường Giang (2022). Động vật nổi và mối liên hệ với các yếu tố môi trường nước vùng nuôi thủy sản của tỉnh Sóc Trăng. Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, 20(2): 213-225.
2. Âu Văn Hóa, Trần Trung Giang, Nguyễn Thị Kim Liên, Huỳnh Thị Ngọc Hiền, **Vũ Ngọc Út**, Huỳnh Trường Giang (2022). Đa dạng thành phần loài động vật đáy vào mùa mưa ở khu vực nuôi tôm, tỉnh Cà Mau. Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, 20(4): 436-444.
3. Huỳnh Thị Ngọc Hiền, Âu Văn Hóa, Nguyễn Thị Kim Liên, **Vũ Ngọc Út** và Huỳnh Trường Giang (2021). Thành phần loài của lớp hai mảnh vỏ ở khu vực

- nuôi trồng thủy sản nước ngọt và nước lợ vùng đồng bằng sông Cửu Long. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam, 4 (125): 163-169.
4. Phạm Thị Tuyết Ngân, Vũ Hùng Hải, **Vũ Ngọc Út** và Huỳnh Trường Giang (2021). Phân lập và tuyển chọn vi khuẩn chuyển hóa đạm từ bùn đáy ao cá tra (*Pangasianodon hypophthalmus*). Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển nông thôn. Tập 2: 77-82.
 5. Phạm Thị Tuyết Ngân, Vũ Hùng Hải, **Vũ Ngọc Út** và Huỳnh Trường Giang (2021). Phân lập và tuyển chọn một số chủng xạ khuẩn có khả năng phân hủy chất hữu cơ và kháng khuẩn ứng dụng trong nuôi trồng thủy sản. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, Tập 56, Số chuyên đề Thủy sản.
 6. Phạm Thị Tuyết Ngân, Vũ Hùng Hải, **Vũ Ngọc Út** và Huỳnh Trường Giang (2021). Khả năng chuyển hóa đạm của chủng vi khuẩn nitrate hóa chọn lọc sử dụng cho hệ thống lọc tuần hoàn trong nuôi trồng thủy sản. Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 57(4B): 178-185
 7. Phạm Thị Tuyết Ngân, Vũ Hùng Hải, **Vũ Ngọc Út** và Huỳnh Trường Giang (2021). Tối ưu các điều kiện sinh enzyme protease ngoại bào của vi khuẩn *Streptomyces* DH3.4. Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 57 (4B): 186-193.
 8. Trần Trung Giang, Âu Văn Hóa, Trương Quốc Phú, Huỳnh Trường Giang và **Vũ Ngọc Út** (2021). Hàm lượng dinh dưỡng môi trường nước tự nhiên khu vực nuôi cá tra tỉnh An Giang. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, Tập 57, Số 3B.
 9. Nguyễn Thị Kim Liên, Trần Nhật Khang, Âu Văn Hóa, **Vũ Ngọc Út** và Huỳnh Trường Giang (2021). Thành phần loài động vật không xương sống cỡ lớn và chất lượng nước vùng bị ảnh hưởng bởi hoạt động nuôi trồng thủy sản trên sông Hậu. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, Tập 57, Số chuyên đề Thủy sản: 107-116.
 10. Âu Văn Hóa, Nguyễn Thị Kim Liên, Huỳnh Trường Giang và **Vũ Ngọc Út** (2021). Ảnh hưởng của độ mặn lên sự phân bố của giun nhiều tơ (polychaeta) trong khu vực nuôi tôm ở Sóc Trăng. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, Tập 57, Số chuyên đề Thủy sản: 117-125.
 11. Âu Văn Hóa, Trần Trung Giang, Nguyễn Thị Kim Liên, **Vũ Ngọc Út** và Huỳnh Trường Giang (2021). Tương quan giữa tính chất nền đáy lên sự phân bố ngành động vật thân mềm (Mollusca) ở khu vực nuôi tôm, Bạc Liêu. Tạp chí Khoa học công nghệ và Nông nghiệp Việt Nam. (6): 121-127.
 12. Vũ Hùng Hải, Phạm Thị Tuyết Ngân, **Vũ Ngọc Út**, Huỳnh Trường Giang (2021). Ảnh hưởng của mật độ vi khuẩn *Streptomyces* DH3.4 lên enzyme tiêu hóa và tăng trưởng của tôm thẻ chân trắng (*Litopenaeus vannamei*). Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp. Tập 5 (3): 2711-2720.
 13. Trần Trung Giang, Âu Văn Hóa, Trương Quốc Phú, **Vũ Ngọc Út** và Huỳnh Trường Giang (2021). Chất lượng nước trong khu vực nuôi tôm tỉnh Bạc Liêu. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, Tập 57, Số chuyên đề Thủy sản: 126-136.
 14. Dang Thi Hoang Oanh, Nguyen Thi Nhu Thuy and **Vu Ngoc Ut** (2021). Investigation of parasites in the digestive tract of white leg shrimp (*Litopenaeus vannamei*) cultured at coastal farms in the Mekong Delta. Can Tho University Journal of Science, Vol. 13, Special issue on Aquaculture and Fisheries: 79-85.

15. Huynh Truong Giang, Vu Hung Hai, Phan Thi Cam Tu, Pham Thi Tuyet Ngan and **Vu Ngoc Ut** (2021). Characterizations of sulfur oxidizing bacteria from extensive shrimp ponds. *Can Tho University Journal of Science*, Vol. 13, Special issue on Aquaculture and Fisheries.
16. Huynh Truong Giang, Vu Hung Hai, Phan Thi Cam Tu, Pham Thi Tuyet Ngan and **Vu Ngoc Ut** (2021). Screening utilization of different natural prebiotic extracts by probiotic *Lactobacillus* sp. for development of synbiotic for aquaculture uses. *Can Tho University Journal of Science*, Vol. 13, Special issue on Aquaculture and Fisheries.
17. Phạm Thị Tuyết Ngân, Vũ Hùng Hải, **Vũ Ngọc Út** và Huỳnh Trường Giang (2021). Chọn lọc vi khuẩn *Bacillus* sp. từ ao nuôi tôm quảng canh có khả năng phân hủy hữu cơ và kháng *Vibrio parahaemolyticus* gây bệnh trên tôm thẻ. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, Tập 57, Số 3B.
18. Phạm Thị Tuyết Ngân, Nguyễn Hoàng Nhật Uyên, Nguyễn Thanh Phương và **Vũ Ngọc Út** (2020). Biến động mật độ vi khuẩn *Bacillus* spp. trên tuyến sông Mỹ Thanh, Sóc Trăng. *Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 56 (Số chuyên đề: Thủy sản) (1): 64-70.
19. Phạm Thị Tuyết Ngân, Nguyễn Hoàng Nhật Uyên, Nguyễn Văn Trọng và **Vũ Ngọc Út** (2020). Ảnh hưởng của độ mặn lên sự hiện diện của vi khuẩn *Vibrio* spp. trên tuyến sông Mỹ Thanh. *Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 56 (Số chuyên đề: Thủy sản) (1): 71-79.
20. Nguyễn Thị Kim Liên, Âu Văn Hóa, Nguyễn Công Tráng, Nguyễn Thị Khiêm, Huỳnh Trường Giang, Nguyễn Thanh Phương và **Vũ Ngọc Út** (2020). Biến động thành phần thực vật nổi theo mùa ở vùng cửa sông Hậu, tỉnh Sóc Trăng. *Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 56 (Số chuyên đề: Thủy sản) (1): 80-91.
21. Nguyễn Thị Kim Liên, Âu Văn Hóa, Nguyễn Công Tráng, Nguyễn Thị Khiêm, Huỳnh Trường Giang, Nguyễn Thanh Phương và **Vũ Ngọc Út** (2020). Ảnh hưởng của sự thay đổi độ mặn lên thành phần động vật nổi. *Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 56 (Số chuyên đề: Thủy sản) (1): 92-101.
22. Huỳnh Trường Giang, Nguyễn Hoàng Nhật Uyên, Vũ Hùng Hải, Phạm Thị Tuyết Ngân và **Vũ Ngọc Út** (2020). Đánh giá hoạt tính của vi khuẩn *Lactobacillus* từ ruột tôm thẻ chân trắng có tiềm năng probiotic để bổ sung vào thức ăn tôm. *Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 56 (Số chuyên đề: Thủy sản) (1): 102-111.
23. Trần Trung Giang, Aina Ayotunde Oluwadamilare, Âu Văn Hóa, Huỳnh Trường Giang, Trương Quốc Phú, Minoru Wada và **Vũ Ngọc Út** (2020). Đánh giá chất lượng nước trong khu vực nuôi tôm tỉnh Sóc Trăng. *Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 56 (Số chuyên đề: Thủy sản) (1): 112-120.
24. Phạm Thị Tuyết Ngân, Vũ Hùng Hải, Nguyễn Hoàng Nhật Uyên, Nguyễn Thanh Phương và **Vũ Ngọc Út** (2020). Biến động mật độ *Bacillus*, *Lactobacillus* và *Vibrio* trong bùn ở tuyến sông Mỹ Thanh, tỉnh Sóc Trăng. *Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 56(1B): 177-186.
25. Phạm Thị Tuyết Ngân, Nguyễn Hoàng Nhật Uyên, **Vũ Ngọc Út** và Nguyễn Thanh Phương (2020). Ảnh hưởng của độ mặn lên sự phát triển của vi khuẩn *vibrio* spp. trong điều kiện phòng thí nghiệm. *Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 56 (2B): 127-135.

26. Phạm Thị Tuyết Ngân, Vũ Hùng Hải, Huỳnh Trường Giang và **Vũ Ngọc Út** (2020). Phân lập và tuyển chọn vi khuẩn chuyển hóa đạm từ bùn đáy ao nuôi tôm thẻ chân trắng (*Litopenaeus vannamei*). Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ, 56 (4B): 154-160.
27. Phạm Thị Tuyết Ngân, Vũ Hùng Hải, Nguyễn Thanh Phương và **Vũ Ngọc Út** (2020). Ảnh hưởng của sự gia tăng độ mặn lên mật độ vi khuẩn trong mô hình mô phỏng xâm nhập mặn. Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ, 56 (5B): 184-192.
28. Nguyễn Việt Bắc và **Vũ Ngọc Út** (2020). Ảnh hưởng của tần suất xử lý ozone lên chất lượng trứng cua biển (*Scylla paramamosain*). Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ, 56 (5B): 176-183.
29. Nguyễn Việt Bắc và **Vũ Ngọc Út** (2020). Ảnh hưởng của tần suất sử dụng ozone đến tỷ lệ sống và biến thái của ấu trùng cua biển (*Scylla paramamosain*). Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ, 56 (6B): 237- 245.
30. Phạm Thị Tuyết Ngân, Vũ Hùng Hải, Huỳnh Trường Giang và **Vũ Ngọc Út** (2020). Nghiên cứu một số điều kiện nuôi tăng sinh vi khuẩn streptomyces spp. trong phòng thí nghiệm. Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ, 56 (6B): 246-253.
31. Nguyễn Thị Kim Liên, Âu Văn Hóa, Nguyễn Vĩnh Trị, Huỳnh Trường Giang, Trương Quốc Phú, Glenn Satuito và **Vũ Ngọc Út** (2020). Khả năng sử dụng động vật nổi trong quan trắc sinh học trên sông Hậu. Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ, 56 (Số chuyên đề: Thủy sản) (2): 149-160.
32. Nguyễn Thị Kim Liên, Trương Quốc Phú và **Vũ Ngọc Út** (2020). Nghiên cứu ứng dụng hệ thống điểm BMWP^{VIET} để đánh giá chất lượng nước ở sông Hậu. Tạp chí Khoa học & Công nghệ Nông nghiệp, Đại học Huế, 4(1):1658-1667.
33. **Vũ Ngọc Út**, Hồ Thị Bích Ngân, Huỳnh Phước Vinh, Diệp Quốc Phục (2019). Sinh vật phù du và sự lựa chọn của các lóc (*Channa striata*) giai đoạn bột lên giống. Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, (7): 55-62.
34. Âu Văn Hóa, Nguyễn Thị Kim Liên, Nguyễn Thanh Phương, Huỳnh Trường Giang và **Vũ Ngọc Út** (2019). Tương quan giữa sự thay đổi độ mặn và thành phần loài tảo giáp (dinophyta) ở vùng cửa sông Mỹ Thanh, Sóc Trăng. Tạp chí Khoa học - Công nghệ Thủy sản, Trường Đại học Nha Trang, (4): 41-49.
35. Huỳnh Phước Vinh, Nguyễn Thị Kim Liên, Nguyễn Trường Sinh, Nguyễn Thanh Phương, **Vũ Ngọc Út** (2019). Tương quan giữa chất lượng nước và sự phân bố của trùng bánh xe (Rotifera) dọc theo tuyến sông Mỹ Thanh, Sóc Trăng. Tạp chí Khoa học - Công nghệ Thủy sản, Trường Đại học Nha Trang, (4): 156-163.
36. Lê Hoàng Vũ, Ngô Minh Cường và **Vũ Ngọc Út** (2019). Một số đặc điểm sinh học của luân trùng *Brachionus rubens*. Tạp chí Khoa học - Công nghệ Thủy sản, Trường Đại học Nha Trang, (4): 164-172.
37. Lê Hoàng Vũ, Hứa Ngọc Ánh và **Vũ Ngọc Út** (2019). Thành phần luân trùng trong các ao nuôi thủy sản dọc theo tuyến sông Hậu. Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, (19): 81-86.
38. Lê Thế Xuân, Phạm Anh Tuấn và **Vũ Ngọc Út** (2019). Đánh giá hiệu quả ức chế vi khuẩn *Vibrio parahaemolyticus* BDB1.4v gây bệnh trên tôm của *Bacillus subtilis*. Tạp chí Nông nghiệp & phát triển nông thôn, 1:79-87
39. Hua Thai Nhan, Nguyen Tan Tai, Pham Thanh Liem, **Vu Ngoc Ut** and Harry Ako (2019). Effects of different stocking densities on growth performance of

- Asian swamp eel *Monopterus albus*, water quality and plant growth of watercress *Nasturtium officinale* in an aquaponic recirculating system. *Aquaculture*, 503:96-104.
40. Nguyễn Thị Kim Liên và **Vũ Ngọc Út** (2018). Thành phần thức ăn tự nhiên của tôm sú (*Penaeus monodon*) ở ao nuôi quảng canh cải tiến. *Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 54(1): 115-128.
 41. Huỳnh Phước Vinh và **Vũ Ngọc Út** (2018). Giun nhiều tơ và ứng dụng trong nuôi trồng thủy sản bền vững. *Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 54(1): 142-152.
 42. Âu Văn Hóa và **Vũ Ngọc Út** (2018). Gây nuôi thức ăn tự nhiên trong ao ương cá tra (*Pangasianodon hypophthalmus*). *Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 54(1): 153-160.
 43. Trương Văn Đán, Nguyễn Thành Luân, Mạc Như Bình, **Vũ Ngọc Út** (2018). Xây dựng chỉ số chất lượng nước đầm phá Tam Giang – Cầu Hai phục vụ hoạt động nuôi tôm. *Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*, (15): 94-102.
 44. Trương Văn Đán, Nguyễn Thành Luân, Mạc Như Bình, **Vũ Ngọc Út** (2018). Phân vùng chất lượng nước nuôi trồng thủy sản ở đầm Cầu Hai, tỉnh Thừa Thiên - Huế. *Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 54(6B): 120-128.
 45. Trương Văn Đán, Nguyễn Thành Luân, Mạc Như Bình, Phạm Thị Ái Niệm, Hà Nam Thắng và **Vũ Ngọc Út** (2018). Điều tra hiện trạng nuôi trồng thủy sản lợi mặn cao triều ở xã Phú Mỹ, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam. *Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, Tập 54(7B): 126-137.
 46. Phạm Thị Tuyết Ngân, **Vũ Ngọc Út** và Nguyễn Thị Ngọc Anh (2018). Ảnh hưởng bổ sung Grobionic®-a trong thức ăn lên tăng trưởng và sức đề kháng bệnh của cá tra (*Pangasianodon hypophthalmus*). *Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 54(6B): 115-119.
 47. Trương Văn Đán, Nguyễn Thành Luân, Mạc Như Bình, **Vũ Ngọc Út** (2018). Phân vùng chất lượng nước nuôi trồng thủy sản ở đầm Cầu Hai, tỉnh Thừa Thiên Huế. *Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 54(6B): 120-128.
 48. Trương Văn Đán, Nguyễn Thành Luân, Mạc Như Bình, Phạm Thị Ái Niệm, Hà Nam Thắng, **Vũ Ngọc Út** (2018). Điều tra hiện trạng NTTS lợi mặn cao triều, ở xã Phú Mỹ, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam. *Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 54(7B): 126-137.
 49. Đặng Văn Tý, Nguyễn Hoàng Huy, Châu Thị Đa, **Vũ Ngọc Út** và Trần Văn Việt (2018). Đánh giá sự biến động chất lượng nước ở Bung Bình Thiên, tỉnh An Giang. *Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 54 (3B): 125-131.
 50. Lê Thế Xuân, Phạm Anh Tuấn và **Vũ Ngọc Út**. (2018). Ảnh hưởng của các yếu tố môi trường lên sự phát triển của *Vibrio parahaemolyticus*. *Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*, 9: 81-86.
 51. Lê Thế Xuân, Khuất Hữu Thanh, Phạm Tiến Dũng, Lê Quang Hòa, Phạm Anh Tuấn và **Vũ Ngọc Út** (2018). Nghiên cứu tách dòng gen mã hóa *Bacillus subtilis* từ chủng *Bacillus subtilis* phân lập được từ ao nuôi tôm công nghiệp. *Tạp chí Nông nghiệp & phát triển nông thôn*, 20: 89-95.

- Quốc tế:

1. Vinh Huynh-Phuoc, Wahyu Purbiantoro, Thuyen Quyen, Fernando Afonso, **Ngoc Ut Vu**, Ta-Chih Cheng (2023). The inhibitory ability and adhesion

- properties of a novel probiotic *Bacillus safensis* strain VQV8 against *Vibrio* spp. Aquaculture International. <https://doi.org/10.1007/s10499-023-01088-6>
2. Thi Cam Tu Phan, Albert Valdish Manuel, Naoaki Tsutsui, **Ngoc Ut Vu**, Takao Yoshimatsu (2022). Short-term fluctuations in salinity and turbidity: effects on the embryonic stage of two abalone species, *Haliotis discus discus* and *Haliotis gigantea*. Journal of Experimental Marine Biology and Ecology 552.151738. <https://doi.org/10.1016/j.jembe.2022.151738>
 3. Huynh P.V., Ly T.Q., Wahyu P., Ngo H.V.T., Fernando A., Vu N.U., Ta-Chih C. (2022). *Bacillus safensis* isolated from white-leg shrimp, *Penaeus vannamei* in Taiwan with antagonistic activity against common *Vibrio* pathogens. Biocatalysis and Agricultural Biotechnology, Volume 44, September 2022, Pages 102477. <https://doi.org/10.1016/j.bcab.2022.102477>
 4. Thi K. L. Nguyen, Van H. Au, Trung G. Tran, **Ngoc U. Vu**, Truong G. Huynh (2022). Seasonal fluctuation of water quality parameters and zooplankton composition in the Hau River and its tributaries, Vietnam. ACL Bioflux, Volume 15, Issue 3, 1371-1388.
 5. Thi Cam Tu Phan, **Ngoc Ut Vu**, Thi Tuyet Ngan Pham, Hung Hai Vu, Truong Giang Huynh (2022). Evaluation of *Pseudomonas stutzeri* AM1 and *Pseudomonas oleovorans* ST1.1 isolated from shrimp pond sediments as probiotics for whiteleg shrimp, *Litopenaeus vannamei* culture. Int.J.Aquat.Biol. (2022) 10(3): 201-208.
 6. Trang Cong Nguyen, Hoa Van Au, Giang Trung Tran, Phuong Thanh Nguyen and **Ut Ngoc Vu** (2022). Phytoplankton community composition variation under natural and prolonged saline intrusion simulations. Int. J. Limn. 58, 1. <https://doi.org/10.1051/limn/2022001>
 7. Huynh Vuong Thu Minh, Van Pham Dang Tri, **Vu Ngoc Ut**, Ram Avtar, Pankaj Kumar, Trinh Trung Tri Dang, Au Van Hoa, Tran Van Ty and Nigel K. Downes (2022). A Model-Based Approach for Improving Surface Water Quality Management in Aquaculture using MIKE 11: A Case of the Long Xuyen Quadangle, Mekong Delta, Vietnam. Water, 14, 412. <https://doi.org/10.3390/w14030412>.
 8. Nguyen Minh Khiem, Yuki Takahashi, Hiroki Yasuma, Dang Thi Hoang Oanh, Tran Ngoc Hai, **Vu Ngoc Ut** & Nobuo Kimura (2022). Use of GIS and machine learning to predict disease in shrimp farmed on the east coast of the Mekong Delta, Vietnam. *Fisheries Science*, 88:1–13. <https://doi.org/10.1007/s12562-021-01577-8>.
 9. Fridah Gacheri Mutea, Howard Kasigwa Nelson Truong Giang Huynh, Van Hoa Au, **Ngoc Ut Vu*** (2021). Assessment of water quality for aquaculture in Hau River, Mekong Delta, Vietnam using multivariate statistical analysis. Water, 13, 3307. <https://doi.org/10.3390/w13223307>
 10. Quoc P. Truong, Thi C. T. Phan, Hung H. Vu, Thi T. N. Pham, Truong G. Huynh, **Ngoc U. Vu*** (2021). Isolation of potential probiotic *Bacillus subtilis* CM3.1 and its effects on the water quality and growth performance of the whiteleg shrimp *Litopenaeus vannamei* in the Mekong Delta, Vietnam. AACL Bioflux, 14 (6): 3347-3357.
 11. **Ngoc U. Vu.**, Thi H. Pham, Phuoc V. Huynh, Truong G. Huynh (2021). Importance of the freshwater rotifer *Brachionus angularis* for improved survival

- rate of early life history stages of pangasius catfish, *Pangasianodon hypophthalmus*. Aquaculture Research 52 (2), 783-792.
12. Cong Trang Nguyen, Anna Vila-Gispert, Xavier D. Quintana, Au Van Hoa, Thanh Phuong Nguyen and **Ngoc Ut Vu** (2020). Effects of salinity on species composition of zooplankton on Hau River, Mekong Delta, Vietnam. Ann. Limnol. - Int. J. Lim. 2020, 56, 20. ISSN: 0003-4088 - eISSN: 2100-000X
 13. Fridah Gacheri Mutea¹, Howard N. Kasigwa, Truong Giang Huynh, Van Hoa Au, **Ngoc Ut Vu** (2020). Evaluation of Water Quality for Aquaculture: Physico-Chemical Characteristics of Hau River (Mekong Delta) with reference to Correlation Study. IOSR Journal of Applied Chemistry (IOSR-JAC), e-ISSN: 2278-5736. Volume 13, Issue 7 Ser. I, PP 33-50.
 14. **Vu Ngoc Ut**, Au Van Hoa and Huynh Phuoc Vinh (2020). Status of fish biodiversity and fishing on Hau River, Mekong Delta, Vietnam. Ann. Limnol. - Int. J. Lim. 2020, 56, 14. <https://doi.org/10.1051/limn/2020012>. ISSN: 0003-4088 - eISSN: 2100-000X
 15. **Ngoc-Ut Vu** & Truong-Giang Huynh (2020). Optimized live feed regimes significantly improved growth performance and survival rate for early life history stage of pangasius catfish *Pangasianodon hypophthalmus*. Fishes, 5, 20: 1-12. doi:10.3390/fishes5030020. EISSN 2410-3888.
 16. Xuan The Le, Dung Tien Pham, Tuan Anh Pham, Tung Thanh Tran, Thanh Huu Khuat, Hoa Quang Le, **Ut Ngoc Vu** (2019). Exploration of genetic diversity of *Bacillus* spp. from industrial shrimp ponds in Vietnam by Multi-Locus Sequence Typing. Fisheries and Aquatic Sciences, (22): 3-9.
 17. Hua Thai Nhan, Nguyen Tan Tai, Pham Thanh Liem, **Vu Ngoc Ut** and Harry Ako (2019). Effects of different stocking densities on growth performance of Asian swamp eel *Monopterus albus*, water quality and plant growth of watercress *Nasturtium officinale* in an aquaponic recirculating system. Aquaculture, 503:96-104.

2.3. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (chương trình và đề tài tương đương cấp Bộ trở lên)

a) Tổng số chương trình, đề tài đã chủ trì/chủ nhiệm: 0 cấp Nhà nước; 18 cấp Bộ và tương đương.

b) Danh mục đề tài tham gia đã được nghiệm thu trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên đề tài, mã số, thời gian thực hiện, cấp quản lý đề tài, trách nhiệm tham gia trong đề tài*):

1. Xây dựng mạng lưới nghiên cứu đa dạng di truyền sông Mekong (Building a Mekong River genetic biodiversity research network), PEER 3-100, 2017-2019, cấp Quốc tế (USAID), chủ nhiệm đề tài.
2. Ứng dụng và nghiên cứu hoàn thiện một số giải pháp kỹ thuật trong tổ chức sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá tra (*Pangasianodon hypophthalmus*) vùng Tây Nam Bộ; 17/2017/HĐ-KHCN-TNB.ĐT/14-19/C18; 10/2017-12/2019; đề tài Tây Nam Bộ; chủ nhiệm đề tài nhánh.
3. Ảnh hưởng của sự thay đổi độ mặn lên quần xã phiêu sinh vật và vi sinh vật ở ĐBSCL; ODA-F1.4; 6/2016-5/2018; Dự án ODA-VN14-P6; chủ nhiệm đề tài nhánh.

4. Quan trắc môi trường trong thủy sản; ODA-F5; 10/2018-9/2021; Dự án ODA-VN14-P6; chủ nhiệm đề tài.
5. Phát triển chương trình đào tạo về an toàn môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học ở Đông Nam Á (CONSEA); 2017-2019; đề tài Quốc tế (EU); Thư ký.
6. Liên kết đào tạo dựa trên nền tảng nghiên cứu về nuôi trồng thủy sản – VLIR-Network-Vietnam; 2013-2018; đề tài Quốc tế (VLIR, Bỉ); Chủ nhiệm.
7. Nghiên cứu nuôi sinh khối quy mô lớn giun nhiều tơ và cua ký cư làm thức ăn nuôi vồ tôm biển (*Litopenaeus vannamei* và *Penaeus monodon*) bố mẹ, 202_20062019; 2019-2021. Đề tài VinTech – Tập đoàn Vin Group; Chủ nhiệm.
8. Liên kết đào tạo dựa trên nền tảng nghiên cứu về nuôi trồng thủy sản – VLIR-Network-Vietnam – Giai đoạn 2, 2018-2023; đề tài Quốc tế (VLIR, Bỉ); Chủ nhiệm.

2.4. Công trình khoa học khác (nếu có)

- a) Tổng số công trình khoa học khác: Không
 - Tổng số có: sáng chế, giải pháp hữu ích
 - Tổng số có: tác phẩm nghệ thuật
 - Tổng số có: thành tích huấn luyện, thi đấu
- b) Danh mục bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu trong 5 năm trở lại đây (*tên tác giả, tên công trình, số hiệu văn bằng, tên cơ quan cấp*):

2.5. Hướng dẫn nghiên cứu sinh (NCS) đã có quyết định cấp bằng tiến sĩ

- a) Tổng số: 8 NCS đã hướng dẫn chính
- b) Danh sách NCS hướng dẫn thành công trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*Họ và tên NCS, đề tài luận án, cơ sở đào tạo, năm bảo vệ thành công, vai trò hướng dẫn*):

1. Nguyễn Thị Kim Liên; Nghiên cứu phương pháp quan trắc sinh học trong đánh giá chất lượng nước trên tuyến sông Hậu sử dụng động vật không xương sống cỡ lớn; Trường Đại học Cần Thơ; 2017; Hướng dẫn chính.
2. Trương Văn Đàn; Đánh giá và dự báo chất lượng nước nuôi trồng thủy sản ở đầm phá Tam Giang – Cầu Hai, tỉnh Thừa Thiên Huế; Trường Đại học Cần Thơ; 2020; Hướng dẫn chính.
3. Lê Anh Xuân; Nghiên cứu ứng dụng vi khuẩn *Bacillus* sp. đối kháng với *Vibrio parahaemolyticus* trong nuôi tôm công nghiệp; Trường Đại học Cần Thơ; 2021; Hướng dẫn chính.
4. Nguyễn Việt Bắc; Nghiên cứu sử dụng ozone trong sản xuất giống cua biển (*Scylla paramamosain* Estampador, 1949); Trường Đại học Cần Thơ; 2021; Hướng dẫn chính.

5. Lê Hoàng Vũ; Thành phần loài luân trùng (Rotifera) ở đồng bằng Sông Cửu Long và tiềm năng sử dụng làm thức ăn trong sản xuất giống thủy sản; Trường Đại học Cần Thơ; Bảo vệ năm 2022; Hướng dẫn chính.

3. Các thông tin khác

3.1. Danh mục các công trình khoa học chính trong cả quá trình (Bài báo khoa học, sách chuyên khảo, giáo trình, sáng chế, giải pháp hữu ích, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu...; khi liệt kê công trình, có thể thêm chú dẫn về phân loại tạp chí, thông tin trích dẫn...):

Bài báo khoa học chính trong cả quá trình

1. Trang Cong Nguyen, Hoa Van Au, Giang Trung Tran, Phuong Thanh Nguyen and **Ut Ngoc Vu** (2022). Phytoplankton community composition variation under natural and prolonged saline intrusion simulations. *Int. J. Limn.* 58, 1. <https://doi.org/10.1051/limn/2022001>
2. Huynh Vuong Thu Minh, Van Pham Dang Tri, **Vu Ngoc Ut**, Ram Avtar, Pankaj Kumar, Trinh Trung Tri Dang, Au Van Hoa, Tran Van Ty and Nigel K. Downes (2022). A Model-Based Approach for Improving Surface Water Quality Management in Aquaculture using MIKE 11: A Case of the Long Xuyen Quadangle, Mekong Delta, Vietnam. *Water*, 14, 412. <https://doi.org/10.3390/w14030412>.
3. Nguyen Minh Khiem, Yuki Takahashi, Hiroki Yasuma, Dang Thi Hoang Oanh, Tran Ngoc Hai, **Vu Ngoc Ut** & Nobuo Kimura (2022). Use of GIS and machine learning to predict disease in shrimp farmed on the east coast of the Mekong Delta, Vietnam. *Fisheries Science*, 88:1–13. <https://doi.org/10.1007/s12562-021-01577-8>.
4. Fridah Gacheri Mutea, Howard Kasigwa Nelson Truong Giang Huynh, Van Hoa Au, **Ngoc Ut Vu** (2021). Assessment of water quality for aquaculture in Hau River, Mekong Delta, Vietnam using multivariate statistical analysis. *Water*, 13, 3307. <https://doi.org/10.3390/w13223307>
5. Quoc P. Truong, Thi C. T. Phan, Hung H. Vu, Thi T. N. Pham, Truong G. Huynh, **Ngoc U. Vu*** (2021). Isolation of potential probiotic *Bacillus subtilis* CM3.1 and its effects on the water quality and growth performance of the whiteleg shrimp *Litopenaeus vannamei* in the Mekong Delta, Vietnam. *AAFL Bioflux*, 14 (6): 3347-3357.
6. **Ngoc U. Vu.**, Thi H. Pham, Phuoc V. Huynh, Truong G. Huynh (2021). Importance of the freshwater rotifer *Brachionus angularis* for improved survival rate of early life history stages of pangasius catfish, *Pangasianodon hypophthalmus*. *Aquaculture Research* 52 (2), 783-792.
7. Trần Trung Giang, Âu Văn Hóa, Trương Quốc Phú, Huỳnh Trường Giang và **Vũ Ngọc Út** (2021). Hàm lượng dinh dưỡng môi trường nước tự nhiên khu vực nuôi cá tra tỉnh An Giang. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, Tập 57, Số 3B.
8. Nguyễn Thị Kim Liên, Trần Nhật Khang, Âu Văn Hóa, **Vũ Ngọc Út** và Huỳnh Trường Giang (2021). Thành phần loài động vật không xương sống cỡ lớn và chất lượng nước vùng bị ảnh hưởng bởi hoạt động nuôi trồng thủy sản trên sông Hậu. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, Tập 57, Số chuyên đề Thủy sản: 107-116.

9. Âu Văn Hóa, Nguyễn Thị Kim Liên, Huỳnh Trường Giang và **Vũ Ngọc Út** (2021). Ảnh hưởng của độ mặn lên sự phân bố của giun nhiều tơ (polychaeta) trong khu vực nuôi tôm ở Sóc Trăng. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, Tập 57, Số chuyên đề Thủy sản: 117-125.
10. Âu Văn Hóa, Trần Trung Giang, Nguyễn Thị Kim Liên, **Vũ Ngọc Út** và Huỳnh Trường Giang (2021). Tương quan giữa tính chất nền đáy lên sự phân bố ngành động vật thân mềm (Mollusca) ở khu vực nuôi tôm, Bạc Liêu. Tạp chí Khoa học công nghệ và Nông nghiệp Việt Nam. (6): 121-127.
11. Trần Trung Giang, Âu Văn Hóa, Trương Quốc Phú, **Vũ Ngọc Út** và Huỳnh Trường Giang (2021). Chất lượng nước trong khu vực nuôi tôm tỉnh Bạc Liêu. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, Tập 57, Số chuyên đề Thủy sản: 126-136.
12. Cong Trang Nguyen, Anna Vila-Gispert, Xavier D. Quintana, Au Van Hoa, Thanh Phuong Nguyen and **Ngoc Ut Vu** (2020). Effects of salinity on species composition of zooplankton on Hau River, Mekong Delta, Vietnam. Ann. Limnol. - Int. J. Lim. 2020, 56, 20. ISSN: 0003-4088 - eISSN: 2100-000X
13. Fridah Gacheri Mutea1, Howard N. Kasigwa, Truong Giang Huynh, Van Hoa Au, **Ngoc Ut Vu** (2020). Evaluation of Water Quality for Aquaculture: Physico-Chemical Characteristics of Hau River (Mekong Delta) with reference to Correlation Study. IOSR Journal of Applied Chemistry (IOSR-JAC), e-ISSN: 2278-5736. Volume 13, Issue 7 Ser. I, PP 33-50.
14. **Vu Ngoc Ut**, Au Van Hoa and Huynh Phuoc Vinh (2020). Status of fish biodiversity and fishing on Hau River, Mekong Delta, Vietnam. Ann. Limnol. - Int. J. Lim. 2020, 56, 14. <https://doi.org/10.1051/limn/2020012>. ISSN: 0003-4088 - eISSN: 2100-000X
15. **Ngoc-Ut Vu** & Truong-Giang Huynh (2020). Optimized live feed regimes significantly improved growth performance and survival rate for early life history stage of pangasius catfish *Pangasianodon hypophthalmus*. Fishes, 5, 20: 1-12. doi:10.3390/fishes5030020. EISSN 2410-3888.
16. Nguyễn Thị Kim Liên, Âu Văn Hóa, Nguyễn Công Tráng, Nguyễn Thị Khiếm, Huỳnh Trường Giang, Nguyễn Thanh Phương và **Vũ Ngọc Út** (2020). Biến động thành phần thực vật nổi theo mùa ở vùng cửa sông Hậu, tỉnh Sóc Trăng. Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ, 56 (Số chuyên đề: Thủy sản) (1): 80-91.
17. Nguyễn Thị Kim Liên, Âu Văn Hóa, Nguyễn Công Tráng, Nguyễn Thị Khiếm, Huỳnh Trường Giang, Nguyễn Thanh Phương và **Vũ Ngọc Út** (2020). Ảnh hưởng của sự thay đổi độ mặn lên thành phần động vật nổi. Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ, 56 (Số chuyên đề: Thủy sản) (1):92-101.
18. Trần Trung Giang, Aina Ayotunde Oluwadamilare, Âu Văn Hóa, Huỳnh Trường Giang, Trương Quốc Phú, Minoru Wada và **Vũ Ngọc Út** (2020). Đánh giá chất lượng nước trong khu vực nuôi tôm tỉnh Sóc Trăng. Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ, 56 (Số chuyên đề: Thủy sản) (1):112-120.
19. Nguyễn Việt Bắc và **Vũ Ngọc Út** (2020). Ảnh hưởng của tần suất xử lý ozone lên chất lượng trứng cua biển (*Scylla paramamosain*). Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ, 56 (5B): 176-183.
20. Nguyễn Việt Bắc và **Vũ Ngọc Út** (2020). Ảnh hưởng của tần suất sử dụng ozone đến tỷ lệ sống và biến thái của ấu trùng cua biển (*Scylla paramamosain*). Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ, 56 (6B): 237- 245.

21. Nguyễn Thị Kim Liên, Âu Văn Hóa, Nguyễn Vĩnh Trị, Huỳnh Trường Giang, Trương Quốc Phú, Glenn Satuito và **Vũ Ngọc Út** (2020). Khả năng sử dụng động vật nổi trong quan trắc sinh học trên sông Hậu. Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ, 56 (Số chuyên đề: Thủy sản) (2): 149-160.
22. Nguyễn Thị Kim Liên, Trương Quốc Phú và **Vũ Ngọc Út** (2020). Nghiên cứu ứng dụng hệ thống điểm BMWP^{VIET} để đánh giá chất lượng nước ở sông Hậu. Tạp chí Khoa học & Công nghệ Nông nghiệp, Đại học Huế, 4(1):1658-1667.
23. **Vũ Ngọc Út**, Hồ Thị Bích Ngân, Huỳnh Phước Vinh, Diệp Quốc Phục (2019). Sinh vật phù du và sự lựa chọn của các lóc (*Channa striata*) giai đoạn bột lên giống. Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, (7): 55-62.
24. Âu Văn Hóa, Nguyễn Thị Kim Liên, Nguyễn Thanh Phương, Huỳnh Trường Giang và **Vũ Ngọc Út** (2019). Tương quan giữa sự thay đổi độ mặn và thành phần loài tảo giáp (dinophyta) ở vùng cửa sông Mỹ Thanh, Sóc Trăng. Tạp chí Khoa học - Công nghệ Thủy sản, Trường Đại học Nha Trang, (4): 41-49.
25. Huỳnh Phước Vinh, Nguyễn Thị Kim Liên, Nguyễn Trường Sinh, Nguyễn Thanh Phương, **Vũ Ngọc Út** (2019). Tương quan giữa chất lượng nước và sự phân bố của trùng bánh xe (Rotifera) dọc theo tuyến sông Mỹ Thanh, Sóc Trăng. Tạp chí Khoa học - Công nghệ Thủy sản, Trường Đại học Nha Trang, (4): 156-163.
26. Lê Hoàng Vũ, Ngô Minh Cường và **Vũ Ngọc Út** (2019). Một số đặc điểm sinh học của luân trùng *Brachionus rubens*. Tạp chí Khoa học - Công nghệ Thủy sản, Trường Đại học Nha Trang, (4): 164-172.
27. Lê Hoàng Vũ, Hứa Ngọc Ánh và **Vũ Ngọc Út** (2019). Thành phần luân trùng trong các ao nuôi thủy sản dọc theo tuyến sông Hậu. Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, (19): 81-86.
28. Xuan The Le, Dung Tien Pham, Tuan Anh Pham, Tung Thanh Tran, Thanh Huu Khuat, Hoa Quang Le, **Ut Ngoc Vu** (2019). Exploration of genetic diversity of *Bacillus* spp. from industrial shrimp ponds in Vietnam by Multi-Locus Sequence Typing. Fisheries and Aquatic Sciences, (22): 3-9.
29. Lê Thế Xuân, Phạm Anh Tuấn và **Vũ Ngọc Út** (2019). Đánh giá hiệu quả ức chế vi khuẩn *Vibrio parahaemolyticus* BDB1.4v gây bệnh trên tôm của *Bacillus subtilis*. Tạp chí Nông nghiệp & phát triển nông thôn, 1:79-87
30. Hua Thai Nhan, Nguyen Tan Tai, Pham Thanh Liem, **Vu Ngoc Ut** and Harry Ako (2019). Effects of different stocking densities on growth performance of Asian swamp eel *Monopterus albus*, water quality and plant growth of watercress *Nasturtium officinale* in an aquaponic recirculating system. Aquaculture, 503:96-104.
31. Nguyễn Thị Kim Liên và **Vũ Ngọc Út** (2018). Thành phần thức ăn tự nhiên của tôm sú (*Penaeus monodon*) ở ao nuôi quảng canh cải tiến. Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ, 54(1): 115-128.
32. Huỳnh Phước Vinh và **Vũ Ngọc Út** (2018). Giun nhiều tơ và ứng dụng trong nuôi trồng thủy sản bền vững. Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ, 54(1): 142-152.
33. Âu Văn Hóa và **Vũ Ngọc Út** (2018). Gây nuôi thức ăn tự nhiên trong ao ương cá tra (*Pangasianodon hypophthalmus*). Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ, 54(1): 153-160.

34. Đặng Văn Tý, Nguyễn Hoàng Huy, Chau Thi Đa, **Vũ Ngọc Út** và Trần Văn Việt (2018). Đánh giá sự biến động chất lượng nước ở Bung Bình Thiên, tỉnh An Giang, Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ, 54 (3B): 125-131.
35. Penradee Chanpiwat, Suthipong Sthiannopkao, Kenneth Widmer, Seiichiro Himeno, Hideki Miyataka, **Ngoc-Ut Vu**, Van-Viet Tran, Thi-Tuyet-Ngan Pham (2016). Assessment of metal and bacterial contamination in cultivated fish and impact on human health for residents living in the Mekong Delta. *Chemosphere* 163: 342-350.
36. **Ut, V.N.**, Giang, H.T., Phu, T.Q., Morales, J. and Phuong, N.T. (2016). Assessment of water quality in catfish (*Pangasianodon hypophthalmus*) production systems in the Mekong Delta. *Can Tho University Journal of Science*. Vol 3: 71-78.
37. Nguyễn Thị Kim Liên và **Vũ Ngọc Út**. (2016). So sánh sự phát triển của động vật đáy (zoobenthos) giữa khu vực đầu nguồn, giữa nguồn và cuối nguồn của sông Hậu. Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 18: 94-102.
38. Nguyễn Thị Kim Liên, Lâm Quang Huy, Dương Thị Hoàng Oanh, Trương Quốc Phú và **Vũ Ngọc Út**. (2016). Chất lượng nước trên sông chính và sông nhánh thuộc tuyến sông Hậu. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, 43:68-79.
39. **Vu Ngoc Ut**, Nguyen Quoc Linh and Huynh Truong Giang. (2016). Potential aquaponics in the Mekong Delta. *Proceeding of 1st International Conference on Tropical Animal Science and Production (TASP 2016)*: 72-75.
40. **Vu Ngoc Ut**, Au Van Hoa & Nguyen Bach Loan (2015). Diversity of fish Hau river, Mekong Delta, Vietnam. *Journal of Fisheries and Technology*, Nha Trang University. Special issue-2015:167-174.
41. **Vũ Ngọc Út**, Lý Trường An và Huỳnh Phước Vinh (2015). Khả năng sử dụng men bánh mì và tỉ lệ thu hoạch tối ưu trong nuôi sinh khối *Schmackeria dubia*. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, 37:120-129.
42. Phạm Kiều Diễm, Huỳnh Phước Vinh và **Vũ Ngọc Út** (2015). Vòng đời và đặc điểm sinh sản của copepoda *Apocyclops dengizicus* các điều kiện nhiệt độ khác nhau. Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 14:94-102.
43. Trần Sương Ngọc, Phạm Thị Tuyết Ngân và Vũ Ngọc Út (2015). Ảnh hưởng của độ mặn lên một số chỉ tiêu sinh học sinh sản của luân trùng nước ngọt (*Brachionus angularis*). Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, 38:95-100.
44. **Vũ Ngọc Út** và Trần Thị Kiều Trang (2014). Thành phần loài và hiện trạng khai thác nguồn lợi mực (lớp Cephalopoda) ở Hà Tiên, Kiên Giang. Tuyển tập Hội nghị Khoa học Toàn quốc về Sinh học biển và Phát triển bền vững lần thứ hai, trang 329-336.
45. **Vu Ngoc Ut**, Nguyen Ba Quoc & Son Sam Phone (2014). Assessment of water quality in shrimp culture areas in the Mekong Delta. *Journal of Agricultural Science and Technology B*, 4: 571-580.
46. Nguyễn Minh Nhựt Quang, Trần Văn Việt và **Vũ Ngọc Út** (2014). Đánh giá sự biến động chất lượng nước trong mô hình tôm sú-lúa luân canh ở huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, Số chuyên đề Thủy sản, 2:203-208.

47. Nguyễn Thị Kim Liên, Huỳnh Trường Giang và **Vũ Ngọc Út** (2014). Thành phần động vật đáy (zoobenthos) trên sông Hậu. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, Số chuyên đề Thủy sản, 2: 239-247.
48. Nguyễn Thị Kim Liên, Diệp Ngọc Gái, Huỳnh Trường Giang và **Vũ Ngọc Út** (2014). Thành phần động vật nổi (zooplankton) trên sông Hậu – đoạn thuộc tỉnh Hậu Giang và Sóc Trăng vào mùa khô. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, Số chuyên đề Thủy sản, 2:284-291.
49. **Vũ Ngọc Út** và Huỳnh Phước Vinh (2014). Một số đặc điểm sinh học của copepoda *Schmackeria dubia*. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, Số chuyên đề Thủy sản, 2:292-299.
50. **Vũ Ngọc Út**, Dương Thị Hoàng Oanh và Huỳnh Trường Giang (2013). Thành phần loài và mật độ vi tảo ở khu vực sản xuất muối và *Artemia* ven biển huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Tuyển tập Nghiên cứu Biển, 19: 202-214.
51. **Vu Ngoc Ut**, Nguyen Phi Long & Tran Suong Ngoc (2013). Effects of feeding time, rates and frequencies on survival rate of Stripped catfish fries (*Pangasianodon hypophthalmus*) fed by freshwater rotifers (*Brachionus angularis*). LARVI '13 – FISH & SHELLFISH LARVICULTURE SYMPOSIUM. C.I. Hendry (Ed). European Aquaculture Society, Special Publication No. XX, Oostende, Belgium, 2013.
52. Tran Suong Ngoc, Nguyen Van Hoa & **Vu Ngoc Ut** (2013). Applying of freshwater rotifers (*Brachionus angularis*) in rearing newly hatching fries of marble goby (*Oxyeleotris marmoratus*). LARVI '13 – FISH & SHELLFISH LARVICULTURE SYMPOSIUM. C.I. Hendry (Ed). European Aquaculture Society, Special Publication No. XX, Oostende, Belgium, 2013.
53. Trần Sương Ngọc và **Vũ Ngọc Út** (2013). Sử dụng luân trùng nước ngọt (*Brachionus angularis*) trong ương cá bông tượng *Oxyeleotris marmoratus* giai đoạn mới nở đến 10 ngày tuổi. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ Phần B: Nông nghiệp, Thủy sản và Công nghệ Sinh học: 26: 64-69.
54. Tho Nguyen, Roel Mercks and **Vu Ngoc Ut** (2013). Impacts of saline water irrigation and shrimp pond discharges on the surrounding waters of a coastal district in the Mekong delta of Vietnam. Environmental Earth Sciences, 71: 2015-2027.
55. Nguyen Tho, Roel Mercks & **Vu Ngoc Ut** (2012). Biological characteristics of the improved extensive shrimp system in the Mekong delta of Vietnam. Aquaculture Research, 43, 526–537.
56. Nguyen Tho, **Vu Ngoc Ut** & Roel Mercks (2011). Physico-chemical characteristics of the improved extensive shrimp farming system in the Mekong Delta of Vietnam. Aquaculture Research, vol. 42: 1600-1614.
57. **Vũ Ngọc Út**, Sơn Sâm Phone và Nguyễn Bá Quốc (2011). Thành phần động vật không xương sống đáy ở khu vực nuôi tôm sú (*Penaeus monodon*). Kỷ yếu Hội nghị Khoa học thủy sản lần 4, Đại học Cần Thơ. Nhà xuất bản Nông nghiệp, tr 72-82.
58. Nguyễn Thị Kim Liên, Dương Thị Hoàng Oanh và **Vũ Ngọc Út** (2011). Nghiên cứu nuôi sinh khối luân trùng siêu nhỏ (*Brachionus rotundiformis*). Kỷ yếu Hội nghị Khoa học thủy sản lần 4, Đại học Cần Thơ. Nhà xuất bản Nông nghiệp, tr 302-313.
59. Nguyễn Bá Quốc và **Vũ Ngọc Út** (2011). Thành phần động vật phù du trong khu vực nuôi tôm sú (*Penaeus monodon*) ở huyện Cầu Ngang, Trà Vinh. Kỷ

- yếu Hội nghị KH-CN tuổi trẻ các trường ĐH và CĐ khối Nông Lâm Ngư Thủy toàn quốc, tr. 623-627.
60. Anh, N.T.N, **Vu Ngoc Ut**, Mathieu Wille, Nguyen Van Hoa, Patrick Sorgeloos. (2011). Effect of different forms of Artemia biomass as a food source on survival, molting and growth rate of mud crab (*Scylla paramamosain*). Aquaculture Nutrition. Journal Code: ANU 796. doi: 10.1111/j.1365-2095.2010.00796.x.
 61. **Vũ Ngọc Út**, Trần Sương Ngọc, Lê Hoàng Vũ & La Ngọc Thạch (2009). Khả năng cải thiện pH vùng đất phèn của nước thải hầm ủ biogas. Hội thảo dự án Bèo lục bình năm 2009. Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ, tr. 87-96.
 62. Truong Trong Nghia, Tran Cong Binh, **Vu Ngoc Ut**, Thach Thanh and To Cong Tam (2009). Research on the larviculture of tiger shrimp *Penaeus monodon* with high stocking densities using recirculating biofilter system. Larvi'09-Fish & Shellfish Larviculture Symposium. C.I. Hendry, G. Van Stappen, M. Wille and P. Sorgeloos (Eds). European Aquaculture Society, special Publication No.38. pp. 444-447.
 63. Trần Sương Ngọc, **Vũ Ngọc Út**, Huỳnh Trường Giang, Trần Thị Thủy & Huỳnh Thị Ngọc Hiền (2009). Sử dụng nước thải hầm ủ biogas gây nuôi trứng nước (*Moina* sp.). Hội thảo dự án Bèo lục bình năm 2009. Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ, tr. 77-86.
 64. **Vũ Ngọc Út** & Tạ Văn Phương (2008). Hiện trạng chất lượng nước vùng nuôi *Artemia*, Vĩnh Châu, Sóc Trăng. Tạp chí Khoa học, Đại học Cần Thơ, pp. 10-23.
 65. Huỳnh Trường Giang, **Vũ Ngọc Út** & Nguyễn Thanh Phương (2008). Biến động các yếu tố môi trường trong ao nuôi cá Tra (*Pangasianodon hypophthalmus*) thâm canh ở An Giang. Tạp chí Khoa học, Đại học Cần Thơ, pp. 1-9.
 66. **Vu Ngoc Ut**, Le Vay L., Nghia TT., Hanh TTH. (2007a). Development of nursery culture techniques for the mud crab *Scylla paramamosain* (Estampador). Aquaculture Research No. 38, pp. 1563-1568.
 67. **Vu Ngoc Ut**, Le Vay L., Nghia TT. and Walton M. (2007b). Comparative performance of hatchery-reared and wild *Scylla paramamosain* (Estampador, 1949) in pond culture. Aquaculture Research No. 38, pp. 1593-1599.
 68. Le Vay, L.; **Vu Ngoc Ut** and Walton, M. (2007b). Population ecology of the mud crab *Scylla paramamosain* (Estampador) in an estuarine mangrove system; A mark recapture study. Mar. Biol. 151, pp. 1127-1135.
 69. Le Vay L., Carvalho G., Quintio E.T., Lebata J.H., **Vu Ngoc Ut**, Fushimi H. (2007a). Quality of hatchery-reared juveniles for marine fisheries stock enhancement. Aquaculture No. 268, pp. 169-180.
 70. **Vu Ngoc Ut**. (2006). Ảnh hưởng của độ mặn lên sinh trưởng và tỉ lệ sống của cua giống *Scylla paramamosain*. Tạp chí Khoa học, Đại học Cần Thơ, pp. 250-261.
 71. Walton, M.E.M., Le Vay, L., Truong, L.M., **Vu Ngoc Ut**. (2006). Significance of mangrove–mudflat boundaries as nursery grounds for the mud crab, *Scylla paramamosain*. Marine Biology 149, pp. 1199-1207.
 72. Nga, B.T., Roijackers, R., T. T. Nghia **V. N. Ut** and Scheffer, M. (2006). Effects of decomposing *Rhizophora apiculata* leaves on larval shrimp *Penaeus monodon*. Aquacult. Int. 14, pp. 467-477.

73. **Vũ Ngọc Út & Lê Văn Liêm** (2004). So sánh và đánh giá chất lượng của nhân tạo với của tự nhiên *Scylla paramamosain*. Tạp chí Khoa học, Đại học Cần Thơ, pp. 202-218.
74. **Vũ Ngọc Út, Le Vay, L., Truong Trong Nghia, Tran Thi Hong Hanh & B.S. Caldwell** (2001). Effect of substrate and diet in the nursery phase of mud crab (*Scylla paramamosain*) production. Proceeding of Larvi'01-Fish & Shellfish Larviculture Symposium. C.I. Hendry, G. Van Stappen, M. Wille and P. Sorgeloos (Eds.), European Aquaculture Society, pp. 610-613.
75. Le Vay, L., **Vũ Ngọc Út & D.A. Jones** (2001). Seasonal abundance and recruitment in an estuarine population of mud crabs, *Scylla paramamosian*, in the Mekong Delta, Vietnam. Hydrobiologia 449: 231-240.

3.2. Giải thưởng về nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước (nếu có):

Không

3.3. Các thông tin về chỉ số định danh ORCID, hồ sơ Google scholar, H-index, số lượt trích dẫn (nếu có):

- Chỉ số định danh ORCID:

<https://orcid.org/>

0000-0002-4901-6455

- Hồ sơ Google scholar:

	Tất cả	Từ 2018
<u>Trích dẫn</u>	864	416
<u>h-index</u>	16	14
<u>i10-index</u>	20	18

3.4. Ngoại ngữ

- Ngoại ngữ thành thạo phục vụ công tác chuyên môn: Tiếng Anh
- Mức độ giao tiếp bằng tiếng Anh: Lưu loát

Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Cần Thơ, ngày 17 tháng 4 năm 2023

NGƯỜI KHAI



VŨ NGỌC ÚT